

SỰ ĐỒNG Ý CỦA BỆNH NHÂN ĐỐI VỚI VIỆC *Informovaný souhlas pacienta(tky) s výkonem*

ĐIỀU TRỊ LIỆU PHÁP PHÓNG XẠ VỀ BỆNH TUYẾN GIÁP *Terapie radiojodem pro onemocnění štítné žlázy*

Kính thưa ông, kính thưa bà, / *Vážená paní, Vážený pane,*

dựa vào sự việc, ông bà đóng vai trò quan trọng trong quá trình chẩn đoán và điều trị liên quan đến bản thân ông, bà. Trước khi bước vào thực hiện điều trị thì ông, bà có thẩm quyền được tư vấn cụ thể về công việc này.

Dựa vào tình trạng sức khỏe hiện tại của ông, bà thì bác sĩ đã đưa ra biện pháp phóng xạ về bệnh tuyến giáp. *vzhledem k tomu, že jako svépřávný jedinec se podílíte významným způsobem na diagnostickém a léčebném postupu navrženém u Vaší osoby, máte nezadatelné právo být před Vaším rozhodnutím o těchto postupech podrobně informován(a).*

Na základě Vašeho aktuálního zdravotního stavu Vám byla lékařem indikována terapie radiojodem pro onemocnění štítné žlázy.

Liệu pháp phóng xạ là gì: / *Co je terapie radiojodem:*

I-ốt phóng xạ được cho vào tuyến giáp. Bức xạ phóng xạ phát ra từ chiếu xạ tuyến giáp và, tùy thuộc vào loại bệnh tuyến giáp, sau đó dẫn đến hiệu quả mong đợi.

Podaný radioaktivní jód je vychytán ve štítné žláze. Radioaktivní záření vycházející z radiojodu štítnou žlázu ozáří a podle typu onemocnění štítné žlázy pak vede k očekávanému efektu.

Với lý do nào để thực hiện công việc này: / *Jaký je důvod (indikace) tohoto výkonu:*

Thực hiện công việc điều trị này có thể sử dụng:

Indikací k této léčbě může být:

Bệnh tuyến giáp có nguồn gốc khối u – thực hiện sau khi mổ cắt khối u và thường là mổ cắt hết tuyến giáp (một phần nhỏ của nó thường được để lại để các tuyến cận giáp không bị tổn thương do hoạt động). Tiếp theo đó sẽ thực hiện phóng xạ, mà công việc này phóng xạ nội (với sự phóng xạ chiếu xạ mức tối thiểu ở các cấu trúc vùng cổ) loại bỏ phần còn lại của mô chức năng tuyến giáp. Sau khi thực hiện điều trị về bệnh này thì bệnh nhân sẽ được theo dõi ở khoa chúng tôi suốt cả cuộc đời. Liệu trình phóng xạ có thể được thực hiện lặp đi lặp lại, nếu trong cơ thể tìm thấy tế bào ung thư, mà tế bào ung thư đó có thể tích lũy.

Onemocnění štítné žlázy nádorového původu – provádí se po chirurgickém odstranění nádoru a téměř celé štítné žlázy (její malá část se zpravidla ponechá, aby se operací nepoškodila příštítná tělíska). Následně se podá radiojod, který vnitřním ozářením (šetrně při minimálním ozáření okolních struktur na krku) odstraní zbytek funkční tkáně štítné žlázy. Pacient(ka) pak zůstává u nás doživotně sledován. Radiojod se může podat opakovaně, pokud se kdekoli v těle zjistí nádorová tkáň, která je schopna akumulovat radiojod.

Cường giáp (tăng hoạt động của tuyến giáp) - liệu pháp phóng xạ, ngoài việc điều trị bằng thuốc và phẫu thuật, một lựa chọn điều trị khác cho bệnh này. Liệu pháp thường được chỉ định khi phẫu thuật hoặc điều trị bằng thuốc không hiệu quả (hoặc không hợp thuốc).

Hyperthyreóza (zvýšená činnost štítné žlázy) – terapie radiojodem je vedle léčby léky a operací další možností léčby tohoto onemocnění. Terapie bývá ordinována často při neúčinnosti operace či medikamentózní terapie (nebo nesnášení léků).

Chức năng tự chủ của tuyến giáp (có hoặc không tăng hoạt động của tuyến giáp) - trong trường hợp này, thì theo chúng tôi việc điều trị phóng xạ là chủ yếu hơn các khả năng khác đã đề cập.

Funkční autonomie štítné žlázy (se zvýšenou činností štítné žlázy nebo i bez ní) – v tomto případě léčbu radiojodem doporučujeme v první řadě před dalšími již zmíněnými možnostmi.

Bệnh lý quỹ đạo nội tiết (đau mắt liên quan đến cường giáp) - được thực hiện sau khi phẫu thuật cắt bỏ gần như toàn bộ tuyến giáp.

Endokrinní orbitopatie (bolestivé postižení očí při hyperthyreóze) – provádí se po chirurgickém odstranění téměř celé štítné žlázy.

Liệu pháp phóng xạ với mục đích để giảm phi đại tuyến giáp – trong trường hợp này thực hiện đối với những bệnh nhân cao tuổi, mà những bệnh nhân này không được phép mổ.

Léčba radiojodem za účelem zmenšení zvětšené štítné žlázy – v případě výrazného zvětšení štítné žlázy u starších pacientů, kde chirurgické řešení je velmi rizikové.

Văn bản là tài sản trí tuệ của FN Ostrava và được quy định chỉ để phục vụ nhu cầu của nhân viên FN Ostrava.
Dokument je duševním vlastnictvím FN Ostrava a je určen výhradně pro potřebu zaměstnanců FN Ostrava.

Không có thể áp dụng liệu pháp phóng xạ (không được phép):

Nemožnost aplikace terapie radiojodem (kontraindikace):

- Không được thực hiện liệu pháp phóng xạ trong thời kỳ mang thai và cho con bú.
Absolutní kontraindikace podání terapie radiojodem je těhotenství a kojení.
- Nếu bệnh nhân không có khả năng chịu nhịn tiểu thì không được phép thực hiện liệu pháp này.
Relativní kontraindikace je neschopnost udržet moč.
- Liệu pháp phóng xạ đối với bệnh không phải ung thư mà dưới 30 tuổi – trong trường hợp này chỉ được thực hiện nếu không có cách điều trị nào khác.
Relativní kontraindikace u léčby radiojodem u nenádorových onemocnění je dále věk pod 30 let – v tomto případě mohou být výjimky, kdy jiná léčba není možná.

Giải pháp thay thế: / Alternativy výkonu:

Trong các bệnh của tuyến giáp có nguồn gốc khối u (ung thư biểu mô biệt) là điều trị liệu pháp phóng xạ (mỗi khi thực hiện là phải sau khi mổ xong) chỉ một cách thực hiện đúng. Một số trường hợp cũng có điều trị liệu pháp phóng xạ bên ngoài. Đối với những trường hợp tăng hoạt động của tuyến giáp thì thường dùng thuốc (dùng lâu dài) hoặc mổ tuyến giáp.

U onemocnění štítné žlázy nádorového původu (diferencovaný karcinom) je léčba radiojodem (vždy až po operaci) jediným správným postupem. V některých případech se doplňuje také zevní ozařování. U zvýšené činnosti štítné žlázy jsou alternativními postupy užívání léků (prakticky trvalé) nebo operace štítné žlázy.

Bệnh nhân phải làm gì trước khi thực hiện công việc này: / Jaký je režim pacienta před výkonem:

Trước khi thực hiện liệu pháp phóng xạ thì không hề được sử dụng i-ốt, bệnh nhân không được thực hiện chụp Xquang có tiêm chất i-ốt, về việc ngưng sử dụng thuốc trước khi thực hiện liệu pháp thì bác sĩ sẽ hướng dẫn cho bệnh nhân biết cụ thể (thường là bác sĩ chuyên về tuyến giáp).

Před plánovanou léčbou radiojodem se nesmí užívat jód v žádné formě, pacient(tka) nesmí podstoupit RTG vyšetření s jodovou kontrastní látkou, o vysazení léků před vyšetřením Vás poučí ošetřující lékař (nejčastěji endokrinolog).

Phương thức thực hiện liệu pháp như thế nào: / Jaký je postup při provádění výkonu:

Ở đây nói về một lần liệu pháp phóng xạ bằng nước hoặc bằng thuốc con nhộng nuốt vào dạ dày. Liều lượng phóng xạ thì được tính chính xác và dành riêng cho từng bệnh nhân để đạt được kết quả điều trị tốt.

Jedná se o jednorázové podání radioaktivního roztoku radiojodu nebo kapsle radiojodu ústy a polknutí do žaludku. Množství radioaktivity je přesně vypočítáno a změřeno individuálně pro každého pacienta k dosažení nejlepšího léčebného efektu.

Những biến chứng và rủi ro có thể xảy ra: / Jaké jsou možné komplikace a rizika:

Các tác dụng phụ của điều trị xảy ra trong một tỷ lệ nhỏ các trường hợp và chỉ trong trường hợp điều trị với liều lượng phóng xạ cao.

Vedlejší účinky léčby se vyskytují v menším procentu případů a to výhradně u terapie většími dávkami radiojodu.

Biến chứng cấp tính: / Akutní komplikace:

- sưng và đau ở vùng tuyến nước bọt, không muốn ăn một thời gian, khó tiêu hóa (có hiện tượng buồn nôn, đau vùng dạ dày, hoặc nôn), giảm tối thiểu trong phần tạo máu, đau ở cổ vùng tuyến giáp, đối với nam giới có giảm tối thiểu sự phát triển tinh trùng (đối với trường hợp liệu pháp lặp đi lặp lại), đối với phụ nữ thì có giảm tối thiểu về phát triển trứng (đối với trường hợp liệu pháp lặp đi lặp lại).

otok a bolestivost v oblasti slinných žláz, přechodná ztráta chuti, zažívací obtíže (pocit na zvracení, bolesti v oblasti žaludeční, event. zvracení), minimální a přechodný pokles krvetvorby, bolest na krku v místě štítné žlázy, u mužů mírný a přechodný pokles tvorby spermií (u opakovaných terapií), u žen přechodné snížení funkce vaječníků (u opakovaných terapií).

Giảm tác dụng phụ của việc điều trị: / Omezení vedlejších účinků léčby:

Trong thời gian nằm viện thì nên uống nhiều nước, thường xuyên đi tiểu, nên ngậm kẹo chua, trong trường hợp khó tiêu hóa hoặc đau cổ thì bác sĩ sẽ cho dùng thuốc thông thường.

Během hospitalizace se doporučuje pít většího množství tekutin, časté močení, cucání např. kyselých bonbonů, v případě zažívacích potíží či bolestí na krku pak dle ordinace lékaře postačí běžné medikamenty

Khi điều trị đối với ung thư tuyến giáp: Đối với phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sau khi thực hiện các hoạt động điều trị bằng chất phóng xạ muốn có con, chúng tôi khuyên bạn nên hoãn mang thai ít nhất 1 năm kể từ ngày liệu pháp phóng xạ. Đối với nam giới không tốt nếu như có thai với người phụ nữ 6 tháng kể từ ngày liệu pháp phóng xạ. Trong khi này rất cần thiết sử dụng đúng liều lượng học môn cho tuyến giáp để kiểm tra đều đặn về hàm lượng học môn.

Při léčbě nádorů štítné žlázy: Ženám v reprodukčním věku po podání léčebných aktivit radiojodu, které chtějí mít ještě děti, doporučujeme odložit těhotenství alespoň na 1 rok od podání terapie radiojodu. U mužů není vhodné, aby partnerka otěhotněla 6 měsíců po podání léčebné aktivity radiojodu. Přitom je potřeba užívat doporučovanou dávku hormonů štítné žlázy za pravidelných kontrol hladin hormonů.

Khi điều trị đối với hoạt động quá mức của tuyến giáp: trong một số ít trường hợp (10-20%) có sự suy giảm chức năng của tuyến giáp sau khi điều trị bằng phóng xạ thì sẽ cần thiết sử dụng hormone tuyến giáp thường xuyên liên tục.

Při léčbě zvýšené činnosti štítné žlázy: v menším počtu případů (10 – 20%) dochází po léčbě radiojodem ke snížení funkce štítné žlázy s nutností zpravidla trvalého užívání hormonů št. žlázy.

Bệnh nhân phải làm gì sau khi thực hiện công việc này: / Jaký je režim pacienta po provedení výkonu:

Dựa vào thực tế sau khi thực hiện liệu pháp phóng xạ thì sẽ thải ra qua đường nước tiểu, phân, mồ hôi, nhưng cũng có qua đường hô hấp khi thở ra, cho nên bệnh nhân phải chấp hành đúng.

Vzhledem k faktu, že radioaktivita se po podání léčby vylučuje z těla močí, stolicí, potem, ale i ve formě aerosolu ve vydechaném vzduchu, je potřeba dodržovat speciální režimová opatření.

Các biện pháp chế độ đặc biệt khi nằm viện: Bệnh nhân phải sử dụng quần áo của bệnh viện, không được sử dụng quần áo ngủ, áo quần lót, áo choàng, khăn tắm, khăn mùi xoa của mình. Bệnh nhân chỉ được mang đồ vệ sinh cá nhân. Túi xách sẽ được để lại trong tủ ở phòng thay quần áo. Đồ ăn, nước không hạn chế, được mang vào phòng sách, báo chí và điện thoại. Sau khi xỉ mũi phải vứt vào thùng rác đầy nắp có ký hiệu hình tam giác (ký hiệu phóng xạ).

Speciální režimová opatření za hospitalizace: Pacient zůstává v ústavním prádle, není dovoleno používat vlastní pyžama, spodní prádlo, noční košile, župany, ručníky, kapesníky. Pacient si přináší pouze vlastní hygienické potřeby. Tašky zůstávají v šatně ve skřínce. Jídlo a pití není omezeno, na pokoji mohou být knihy, časopisy, noviny i mobilní telefony. Buničina na smrkání se po použití vhadzuje do koše s víkem označeným trojúhelníkem (znakem radioaktivity).

Trong khu vực ngôi nhà cấm hút thuốc!! Do đường nối của cống với bể chứa còn lưu lại chất phóng xạ nên cần tiết kiệm nước theo hướng dẫn của nhân viên. Khách đến thăm chỉ được quyền cho phép của bác sĩ và đó là ở dưới phòng khám tầng mặt đất, khách đến thăm không được phép đến nếu là phụ nữ mang thai hoặc trẻ em chưa đến tuổi trưởng thành!!

Sau khi liệu pháp phóng xạ xong thì hàng ngày buổi sáng sẽ thực hiện đo phần chất phóng xạ còn lại trong cơ thể bệnh nhân và theo kết quả đo được nếu còn nhiều thì bệnh nhân phải nằm tại phòng, hoặc với hàm lượng thấp thì bệnh nhân có thể đi lại trong khu vực đó và nếu hàm lượng thật thấp thì bệnh nhân có thể đi lại ra khỏi khu vực đó. Trong khi hàm lượng chất phóng xạ còn lại thấp thì có thể được ra viện.

V prostorách budovy je zákaz kouření!! Vzhledem k napojení kanalizace na jímky, které zadržují radioaktivitu, je nutné šetřit vodou dle instrukcí personálu. Návštěvy jsou povoleny jen se svolením lékaře a to ve vyhrazeném prostoru na ambulanci v přízemí kliniky, návštěvy nejsou povoleny osobám nezletilým a těhotným ženám!!

Po terapii radiojodem se každé ráno provádí měření zbytkové radioaktivity v těle pacienta a podle výsledku měření pacient buď nesmí opouštět pokoj, nebo při nižších hodnotách se smí pohybovat na oddělení a při ještě nižších může jít mimo budovu. Při nízké zbytkové radioaktivitě může být propuštěn domů.

Các biện pháp chế độ đặc biệt sau khi ra viện: Dựa vào sự việc này đang còn một ít chất phóng xạ trong cơ thể bệnh nhân và có thể bệnh nhân phóng xạ sang các thành viên trong gia đình họ. Từ những lý do đã nêu chúng tôi khuyên hãy giữ trong vòng 10 ngày như sau:

Speciální režimová opatření po propuštění z nemocnice: Vzhledem k tomu, že malá část radioaktivity ještě zůstane ve Vašem těle a mohli byste tedy ozařovat osoby, s nimiž žijete ve společné domácnosti. Z uvedeného důvodu doporučujeme dodržet po dobu 10 dnů následující pokyny:

- không đi lại và không ngồi lâu cùng với những thành viên trong gia đình và cơ quan, *nepohybovat se a nesesedět delší dobu v blízkosti jiných osob doma i v zaměstnání,*
- không được gần với trẻ, không được ngủ chung với trẻ, *vyhýbat se kontaktu s malými dětmi, nespát s nimi ve společné místnosti,*
- hạn chế đi lại tàu xe công cộng, *omezit cesty prostředky MHD na minimum,*
- không đi lại những nơi có đám đông người (rap chiếu phim, rap hát...), *nenavštěvovat místa, kde je shromážděno více osob (kino, divadlo ...),*
- phải sử dụng đồ dùng cá nhân (đồ vệ sinh của mình). *dodržovat osobní hygienu (vlastní hygienické prostředky).*

Nếu ngài không hiểu hết về phần nêu trên, thì ngài hãy yêu cầu bác sĩ giải thích hoặc bổ sung thêm về những gì trực tiếp.

Pokud jste plně neporozuměli textu, požádejte svého lékaře o vysvětlující nebo doplňující informace k dané problematice.

Số liệu của bệnh nhân: / Identifikační údaje pacienta(tky):

Họ: <i>Příjmení:</i>	Tên: <i>Jméno:</i>	Chức vụ: <i>Titul:</i>	Số sinh: <i>RČ:</i>
-------------------------	-----------------------	---------------------------	------------------------

Số liệu của người đại diện: / Identifikační údaje zákonného zástupce, opatrovníka:

Họ: <i>Příjmení:</i>	Tên: <i>Jméno:</i>	Chức vụ: <i>Titul:</i>	Số sinh: <i>RČ:</i>
-------------------------	-----------------------	---------------------------	------------------------

Kế hoạch công việc: / Plánovaný výkon:

Liệu pháp phóng xạ đối với bệnh tuyến giáp / Terapie radiojodem pro onemocnění štítné žlázy

Người giải thích đã thực hiện:

Vysvětlující pohovor provedl:

Số liệu và chữ ký của bác sĩ
identifikace a podpis lékaře

Tôi tuyên bố rằng, lý do, kết quả mong đợi, phương pháp thực hiện, hậu quả và những rủi ro và phức tạp có thể xảy ra của việc thực hiện theo kế hoạch đã được giải thích hợp lý cho tôi. Tôi cũng được giải thích về các lựa chọn thay thế có thể có, bao gồm các biến chứng và hậu quả sức khỏe của chúng do không thực hiện đúng kế hoạch đã đưa ra. Tôi đã có cơ hội để hỏi bác sĩ tất cả những gì mà tôi có thắc mắc về kế hoạch thực hiện điều trị, và tôi đã được giải thích, mà sự giải thích đó tôi hiểu rõ. Tôi đồng ý thực hiện với công việc nêu trên.

Prohlašuji, že mi byl náležitě objasněn důvod, předpokládaný prospěch, způsob provedení, následky i možná rizika a komplikace plánovaného výkonu. Dále mi byly vysvětleny možné alternativy včetně jejich komplikací a zdravotní důsledky vyplývající z nepodstoupení plánovaného výkonu. Měl(a) jsem možnost zeptat se lékaře na všechno, co mě ve vztahu k plánovanému výkonu zajímá, a obdržel(a) jsem vysvětlení, kterému jsem porozuměl(a). S provedením výše uvedeného výkonu souhlasím.

Tôi được giải thích rằng trong trường hợp xảy ra các biến chứng không mong muốn, thì đòi hỏi phải thực hiện khẩn cấp các thủ tục khác cần thiết để cứu tính mạng hoặc sức khỏe của tôi, các phẫu thuật này sẽ được thực hiện.

Bylo mi podáno vysvětlení, že v případě výskytu neočekávaných komplikací vyžadujících neodkladné provedení dalších výkonů nutných k záchraně mého života nebo zdraví, budou tyto výkony provedeny

Tiếp theo tôi tuyên bố rằng, tôi đã thông báo trung thực cho bác sĩ chăm sóc về tình trạng sức khỏe, bao gồm thông tin về các bệnh truyền nhiễm, các dịch vụ y tế do các nhà cung cấp khác cung cấp, việc sử dụng các sản phẩm thuốc, bao gồm lạm dụng chất kích thích và các sự kiện khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ y tế, và tôi đã không che giấu bất kỳ trường hợp nào về tình trạng sức khỏe của mình, mà tình trạng đó dễ trở ngại cho việc thực hiện công việc điều trị hoặc có thể liên quan đến việc xảy ra các biến chứng.

Dále prohlašuji, že jsem pravdivě informoval(a) ošetřujícího lékaře o dosavadním vývoji zdravotního stavu, včetně informací o infekčních nemocech, o zdravotních službách poskytovaných jinými poskytovateli, o užívání léčivých přípravků, včetně užívání návykových látek, a dalších skutečnostech podstatných pro poskytování zdravotních služeb a nezatajil(a) jsem žádné okolnosti svého zdravotního stavu, které jsou překážkou v provedení výkonu či mohou být v jakékoli souvislosti se vznikem komplikací.

Tại Ostrava ngày:

V Ostravě dne:

Chữ ký của bệnh nhân, hoặc của người đại diện
podpis pacienta(tky), zákonného zástupce, opatrovníka